TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ ĐỒNG HỚI** **TỈNH QUẢNG BÌNH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 22 /2022/HNGĐ-ST
Ngày: 18 /8/2022
V/v: "Kiện xin ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ ĐỒNG HỚI, TỈNH QUẢNG BÌNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thanh Hoa

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Ngân Hà

2. Ông Trần Xuân Văn

- Thư ký phiên toà: Bà Trần Thị Thanh Tâm – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Đồng Hới.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Đồng Hới tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thanh Long – Kiểm sát viên.

Trong ngày 18 tháng 8 năm 2022, tại trụ sở Toà án nhân dân thành phố Đồng Hới xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 08/2022/TLST - HNGĐ ngày 22 tháng 02 năm 2022 về kiện xin ly hôn, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 80/ 2022/ QĐST-HNGĐ ngày 07 tháng 7 năm 2022, Quyết định hoãn phiên tòa số 60/2022/QĐST –HNGĐ ngày 26 tháng 7 năm 2022 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Đinh Thị Thu L, sinh năm: 1962;

Hộ khẩu thường trú tại: Tổ dân phố 02 P, phường B, thành phố Đ, tỉnh Quảng Bình. Có mặt tại phiên tòa.

- *Bị đơn:* Ông Phan Văn P, sinh năm 1957; (Đã bị tuyên bố mất tích theo Quyết định giải quyết việc dân sự số 19/2021/QĐST-VDS ngày 21/12/2021 của Tòa án nhân dân thành phố Đồng Hới có hiệu lực pháp luật). Đăng ký hộ khẩu thường trú và Nơi cư trú cuối cùng trước khi mất tích: Tổ dân phố 02 Phú Vinh, phường B, thành phố Đ, tỉnh Quảng Bình. Vắng mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

*Trong đơn khởi kiện xin ly hôn đề ngày 14/02/2022, được bổ sung tại bản tự khai cũng như tại phiên tòa hôm nay, nguyên đơn bà Đinh Thị Thu L trình bày: bà L kết hôn có đăng ký hợp pháp với ông Phan Văn P, sinh năm 1957 vào ngày 24/11/1985 tại UBND phường Đ, thị xã Đ, tỉnh Bình Trị Thiên trên cơ sở tự nguyện. Sau khi kết hôn vợ chồng ông bà chung sống và làm việc tại phường B, thành phố Đ, tỉnh Quảng Bình. Vợ chồng ông bà sinh được 02 người con, cho đến

năm 1992 ông Phan Văn P bỏ nhà đi không báo cho gia đình, gia đình không có tin tức gì của ông P. Từ khi ông P bỏ đi bà L và gia đình đã tìm kiếm ông P qua bạn bè, người thân trong gia đình nhưng không có tin tức gì của ông P. Nên bà L đã làm đơn yêu cầu Tòa án tuyên bố ông Phan Văn P mất tích. Ngày 21/12/2021 Tòa án nhân dân thành phố Đồng Hới đã có quyết định số 19/2021/QĐST-VDS tuyên bố ông Phan Văn P mất tích, quyết định đã có hiệu lực pháp luật. Từ ngày đó cho đến nay ông Phan Văn P cũng không về nhà, không ai có tin tức gì về ông. Vợ chồng không sống chung với nhau đã lâu, ông Phan Văn P không có trách nhiệm gì với gia đình. Vì vậy, tình cảm vợ chồng không còn nên bà L xin được ly hôn ông P để ổn định cuộc sống.

Về con chung: Vợ chồng ông bà quá trình chung sống có 02 con chung là cháu Phan Quốc K, sinh ngày 02/9/1986 và cháu Phan Trung D, sinh ngày 17/5/1990. Hiện hai cháu đã mất do đó bà L không yêu cầu Toà án giải quyết về con chung.

Về tài sản chung: không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Do bị đơn ông Phan Văn P đã được Tòa án tuyên bố mất tích; Thông báo thụ lý vụ án, văn bản tố tụng và giấy triệu tập ông Phan Văn P đến Tòa án đã được niêm yết công khai tại nơi cư trú cuối cùng của ông Phan Văn P nhưng ông Phan Văn P không gửi văn bản ghi ý kiến của mình đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và không đến Tòa theo giấy triệu tập. Mặt khác xét thấy đã có căn cứ xác định ông Phan Văn P đã mất tích nên việc hòa giải không thể tiến hành được.

Đại diện Viện kiểm sát đã phát biểu ý kiến: Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Thư ký, HTND đã được thực hiện theo đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn chưa thực hiện đúng quyền lợi và nghĩa vụ của mình. Bà L và ông P có thời gian chung sống vợ chồng, có đăng ký kết hôn năm 1985 tại Ủy ban nhân dân phường Đ, thị xã Đ nên quan hệ vợ chồng được pháp luật thừa nhận. Lý do bà L xin ly hôn là do ông P bỏ nhà đi từ năm 1992 đến nay không có tin tức gì, đã bị Tòa án tuyên bố là mất tích. Căn cứ Quyết định số 19/2021/QĐST-VDS ngày 21/12/2021 của Tòa án nhân dân thành phố Đồng Hới đã tuyên bố ông Phan Văn P mất tích, quyết định này đã có hiệu lực pháp luật và đến nay ông P vẫn vắng mặt. Do vậy, căn cứ khoản 2 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình cho bà L được ly hôn với ông P là có căn cứ pháp luật. Căn cứ vào quá trình giải quyết vụ án, tranh tụng tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 2 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình 2014 xử chấp nhận yêu cầu của bà L, xử bà L được ly hôn ông P.

Nguyên đơn phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết: Căn cứ đơn khởi kiện của Nguyên đơn, đây là vụ án dân sự về "Ly hôn" quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự, bị đơn đã bị tuyên bố mất tích có nơi cư trú cuối cùng tại phường B, thành phố Đ; căn cứ điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Đồng Hới.

[1.2] Về sự vắng mặt của bị đơn: Quá trình giải quyết vụ án do bị đơn đã bị tuyên bố mất tích không thể trực tiếp tống đạt văn bản tố tụng, Tòa án đã niêm yết thông báo thụ lý vụ án, thông báo triệu tập cho bị đơn ông Phan Văn P tại nơi cư trú cuối cùng, nhưng ông Phan Văn P không gửi văn bản ghi ý kiến của mình đối với yêu cầu của người khởi kiện. Tòa án đã tiến hành xác minh cũng như niêm yết các văn bản tố tụng, quyết định đưa vụ án ra xét xử, giấy triệu tập đến phiên tòa, đã hoãn phiên tòa lần thứ nhất theo quy định tại khoản 1 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự. Quyết định hoãn phiên tòa đã tống đạt hợp lệ nhưng bị đơn vẫn vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai mà không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan. Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn ông Phan Văn P theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung tranh chấp:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: bà Đinh Thị Thu L và ông Phan Văn P xây dựng gia đình với nhau trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại cấp có thẩm quyền. Vì vậy, hôn nhân của hai người là hoàn toàn hợp pháp; anh chị đã có thời gian chung sống với nhau. Lẽ ra ông bà phải biết thương yêu, tôn trọng nhau, cùng nhau chia sẻ khó khăn xây dựng gia đình hạnh phúc. Nhưng ngược lại ông bà đã không làm được điều đó để giữ gìn hôn nhân bền vững. ông Phan Văn P bỏ nhà đi biệt tích, hai bên không thực hiện quyền và nghĩa vụ vợ chồng trong nhiều năm nay; ông P bỏ mặc bà L một mình không có tin tức liên lạc với vợ, bà L đã yêu cầu Tòa án tuyên bố ông P mất tích; Tòa án đã thông báo tìm kiếm ông P trên phương tiện thông tin trung ương nhưng ông Phan Văn P vẫn không có tin tức gì; Quyết định tuyên bố ông Phan Văn P mất tích đã có hiệu lực pháp luật. Từ đó cho đến nay ông Phan Văn P cũng không về nhà cũng không ai có tin tức gì về ông Phan Văn P. Điều này chứng tỏ mục đích của hôn nhân không đạt được, vợ chồng không thể sống chung nên Hội đồng xét xử thấy cần thiết phải cho vợ chồng ly hôn là hoàn toàn phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình.

[2.2] Về quan hệ con chung: Vợ chồng ông bà quá trình chung sống có 02 con chung là cháu Phan Quốc K, sinh ngày 02/9/1986 và cháu Phan Trung D, sinh ngày 17/5/1990. Hiện hai cháu đã mất do đó bà L không yêu cầu Toà án giải quyết về con chung.

[2.3] Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét, trong khi đó ông Phan Văn P đã mất tích nên dành quyền khởi kiện bằng vụ kiện dân sự khác về tài sản chung cho hai bên đương sự.

[3] Về án phí dân sự sơ thẩm:

Bà L phải chịu án phí dân sự ly hôn sơ thẩm theo quy định tại Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự và Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[4] Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định tại Điều 271, 273 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 144, Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự, Điều 27 Nghị quyết 326/2016/ UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Áp dụng khoản 2 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình; Xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện, cho bà Đinh Thị Thu L được ly hôn ông Phan Văn P.

2. Về quan hệ con chung: Vợ chồng ông bà quá trình chung sống có 02 con chung là cháu Phan Quốc K, sinh ngày 02/9/1986 và cháu Phan Trung D, sinh ngày 17/5/1990. Hiện hai cháu đã mất do đó bà L không yêu cầu Toà án giải quyết về con chung.

3. Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Về án phí dân sự sơ thẩm: Buộc bà Đinh Thị Thu L phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn để sung quỹ Nhà nước. Số tiền bà Đinh Thị Thu L phải nộp được khấu trừ từ số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí bà Đinh Thị Thu L đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Đồng Hới theo biên lai số 31AA/2021/ 0001110 ngày 22 tháng 02 năm 2022.

Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (ngày 18/8/2022); đương sự vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết.

Nơi nhận:
- VKSND TP Đồng Hới;
- TAND Tỉnh Quảng Bình;
- Chi cục THA DS TP Đồng Hới;
- Các đương sự;
- UBND P. Đ, TP Đ, tỉnh QB ;
- Niêm yết công khai;
- Lưu án, Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)

Nguyễn Thanh Hoa